

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ HOÀNG PHƯƠNG

ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT
TRƯỜNG THƠ LOẠN QUA THƠ
HÀN MẶC TỬ

Chuyên ngành: **VĂN HỌC VIỆT NAM**
Mã ngành : **60.22.34**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng - Năm 2010

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. HOÀNG SĨ NGUYỄN**

Phản biện 1: **PGS.TS HỒ THẾ HÀ**

Phản biện 2: **PGS.TS NGUYỄN PHONG NAM**

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 9 năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trường thơ Loạn được thành lập khoảng cuối 1936, gồm các thành viên: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, Quỳnh Dao... do Hàn Mặc Tử đứng đầu.

Có thể nói, *Trường thơ Loạn* đã làm nên một “hiện tượng” và tạo ra những xung động trái chiều trên văn đàn. Di sản thơ của nhóm tác giả *Trường thơ Loạn*, đặc biệt là Hàn Mặc Tử đã được nhiều người quan tâm nghiên cứu. Tuy vậy, một giai đoạn rất dài, *Trường thơ Loạn* bị xem là những vần thơ “suy đồi”, đại diện cho sự “bế tắc” của chủ nghĩa cá nhân.

Đến với đề tài *Đặc trưng nghệ thuật Trường thơ Loạn qua thơ Hàn Mặc Tử*, chúng tôi hi vọng sẽ tìm hiểu kỹ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của *Trường thơ Loạn* mà Hàn Mặc Tử là đại diện tiêu biểu nhất.

Bên cạnh đó, luận văn mong muốn sẽ góp phần tìm hiểu sâu hơn về một tác gia được dạy và học nhiều năm trong chương trình nhà trường phổ thông và đại học.

2. Lịch sử vấn đề

- Trước 1945, đã có nhiều bài viết về phong trào Thơ mới. Tuy nhiên, việc bàn luận về *Trường thơ Loạn* hầu như rất hiếm, có chăng chỉ là những bài viết nhỏ lẻ về các tác giả của nhóm thơ này trên các tạp chí. Tuy nhiên, những cái nhìn này có phần chủ quan và định kiến.

Năm 1941, trong *Thi nhân Việt Nam* cái tên *Trường thơ Loạn* lần đầu tiên xuất hiện. Hoài Thanh chọn hướng tiếp cận các tác giả Thơ mới bằng cái nhìn lãng mạn, thiên về chủ nghĩa ấn tượng. Ông xem thơ Hàn Mặc Tử là “một vườn thơ rộng rinh không bờ bến, càng

đi xa càng thấy lạnh”. Ông cũng giữ thái độ xa cách, thận trọng như thế với thơ Chế Lan Viên, Bích Khê.

Nhìn chung, các tác giả phê bình trước 1945 đều thận trọng khi đánh giá thơ Hàn Mặc Tử, đặc biệt là *Trường thơ Loạn*. Ngoài những người bạn thân thiết trong nhóm hiểu rõ khuynh hướng sáng tác của Trường thơ nên có những cái nhìn tương đối xác đáng với Hàn Mặc Tử, còn lại các nhà phê bình đều chỉ đứng từ xa xa, chưa thâm nhập vào được một Trường thơ với khuynh hướng sáng tác quá mới mẻ này.

- Trong đời sống phê bình văn học 1945 - 1975, việc nhìn nhận, đánh giá Thơ mới tương đối phức tạp. Ở miền Bắc, Thơ mới lúc này được nhìn nhận lại. Về mặt nội dung, Thơ mới bị phê phán là “tư sản”, “tiểu tư sản”, “tiêu cực”, “suy đồi”...

Tuy có thái độ tương đối phiến diện nhưng Thơ mới không hoàn toàn bị quên lãng trong giai đoạn này. Đâu đó vẫn có những bài viết “gạn đục khơi trong”, tìm ra những đóng góp của Thơ mới, đặc biệt về giá trị nghệ thuật. Trong công trình *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại* của Hà Minh Đức, công trình *Phong trào Thơ mới* của Phan Cự Đệ... mặc dù chưa đi sâu vào từng gương mặt trong phong trào Thơ mới nhưng qua công trình này, người đọc vẫn thấy nổi lên một số chân dung tiêu biểu như: Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên... Có thể nói, những ý kiến này có tác dụng khơi nguồn cho những công trình nghiên cứu sau này.

Trái ngược với miền Bắc, giới nghiên cứu phê bình ở miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 bàn luận khá sôi nổi về Thơ mới, trong đó, có *Trường thơ Loạn* trên các tạp chí *Văn hoá Á Châu*, *Bách khoa*, *Phổ thông*. Riêng tạp chí *Văn* và tạp chí *Văn học* đã có những chuyên san đặc biệt về Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê. Bên cạnh đó, còn có những tuyển tập phê bình văn học liên quan đến *Trường thơ*

Loạn như *Hàn Mặc Tử - nhà thơ siêu thoát* (Thế Phong - 1957), *Thi nhân Việt Nam hiện đại* (Phan Thanh - 1959), *Hàn Mặc Tử - thi sĩ tiền chiến*, *Chế Lan Viên - thi sĩ tiền chiến* (Hoàng Diệp - 1968), *Đời Bích Khê* (Quách Tấn - 1971)...

- Từ 1986 đến nay, dưới cái nhìn và tư duy đổi mới, cùng với những giá trị tinh thần khác của quá khứ, Thơ mới được nhìn nhận lại một cách khách quan hơn. Bằng lối tiếp cận từ văn học so sánh, nhiều tác giả nhìn Thơ mới từ sự ảnh hưởng của văn học Pháp. Có thể nêu những bài viết của một số nhà nghiên cứu như Lê Đình Ky: *Ảnh hưởng đối với thơ mới Việt Nam từ phía thơ ca Pháp*; Phan Ngọc: *Ảnh hưởng của văn học Pháp tới văn học Việt Nam trong giai đoạn 1932 - 1945*; Hoàng Ngọc Hiến: *Baudelaire, chủ nghĩa tượng trưng và thơ mới*; Trần Thị Mai Nhi: *Văn học hiện đại - Văn học Việt Nam: Gặp gỡ giao lưu...* Nhìn chung, các tác giả đều khẳng định ảnh hưởng sâu sắc của thơ Pháp nói chung và đặc biệt là ảnh hưởng của Baudelaire đối với nhiều sáng tác của các nhà Thơ mới từ sau năm 1936, tiêu biểu là nhóm tác giả trong *Trường thơ Loạn*.

Song song với nó, nhiều tác giả đã đi sâu bàn về giá trị nghệ thuật trong thơ Hàn Mặc Tử và *Trường thơ Loạn* như: Lê Đình Ky với *Thơ mới những bước thăng trầm*, Đỗ Lai Thuý với *Mắt thơ* và Hà Minh Đức với *Một thời đại trong thi ca*, chuyên luận *Những khoảnh khắc đồng hiện của Hồ Thế Hà*.

Như vậy, từ khi ra đời đến nay, Thơ mới nói chung, *Trường thơ Loạn* và Hàn Mặc Tử nói riêng đã có một lịch sử tiếp nhận khá dày dặn và phong phú. Tuy nhiên, *Đặc trưng nghệ thuật Trường thơ Loạn qua thơ Hàn Mặc Tử*, như một ngỏ nhỏ còn để trống. Bởi vậy, chúng tôi mạnh dạn “lên” vào nguồn mạch này từ những gợi mở quý báu của quá trình tiếp nhận giàu có nói trên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: các tập thơ *Gái quê*, *Đau thương*, *Xuân như ý* in trong tuyển tập *Thơ mới 1932 - 1945, tác gia và tác phẩm* (Nhà xuất bản Hội Nhà văn, năm 2001). Bên cạnh đó, chúng tôi khảo sát tập thơ *Điều tàn* của Chế Lan Viên (NXB Hội Nhà văn) và *Tinh hoa, Tinh huyết* của Bích Khê (NXB Hội Nhà văn).

Phạm vi: nghiên cứu hình tượng cái tôi trữ tình, thể giới thơ, những hình ảnh biểu tượng độc đáo. Bên cạnh đó, đi sâu nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật *Trường thơ Loạn* thể hiện ở sự lạ hóa ngôn từ, thủ pháp so sánh và cách kiến trúc bài thơ bằng hình ảnh và nhạc tính độc đáo, ấn tượng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

- Phương pháp lịch sử
- Phương pháp thống kê - phân loại
- Phương pháp phân tích - tổng hợp
- Phương pháp so sánh - đối chiếu

5. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: *Trường thơ Loạn* và vị trí của Hàn Mặc Tử trong *Trường thơ Loạn*

Chương 2: Tư duy nghệ thuật *Trường thơ Loạn* qua thơ Hàn Mặc Tử

Chương 3: Ngôn ngữ nghệ thuật *Trường thơ Loạn* qua thơ Hàn Mặc Tử

Chương 1

TRƯỜNG THƠ LOẠN VÀ VỊ TRÍ CỦA HÀN MẶC TỬ TRONG TRƯỜNG THƠ LOẠN

1.1. Nhận diện Trường thơ Loạn trong Thơ mới 1932 - 1945

1.1.1. Tổng quan về Thơ mới 1932 - 1945

Thơ mới 1932 - 1945 là một sự tích hợp nghệ thuật kỳ diệu, độc đáo trong lịch sử văn học Việt Nam. Một thế kỷ thi ca Pháp đã được các nhà thơ mới tiếp biến ngoạn mục trong vòng 13 năm, tạo nên hiện tượng có một không hai trong tiến trình thơ Việt Nam. Chỉ trong một thời gian ngắn, Thơ mới đã đi từ lãng mạn đến tượng trưng và siêu thực. Ba trào lưu thơ đã tích hợp, tổng hoà, đan xen nhau trong khá nhiều tác giả, tác phẩm tiêu biểu, làm cho Thơ mới trở nên giàu có, đa thanh, đa sắc; trong đó, ngoài sự hiện diện tiên phong của chủ nghĩa lãng mạn, còn có phần đóng góp không nhỏ của nghệ thuật tượng trưng - siêu thực mà các nhà thơ mới tiếp biến đầy sáng tạo.

1.1.2. Sự hình thành nhóm thơ Bình Định và Trường thơ Loạn

Vào những năm 1930 - 1945, Quy Nhơn - Bình Định trở thành một vùng đất cực thịnh của văn chương nghệ thuật. Những tên tuổi lớn như Xuân Diệu, Quách Tấn, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Yên Lan đã làm rạng danh cho vùng đất này. Bình Định đã trở thành biểu tượng độc đáo của sự hội tụ, khơi nguồn một trong những trung tâm thi ca đầy bản sắc thời bấy giờ.

Trong thời gian này, ở Bình Định hình thành một nhóm bạn thơ. Giới văn chương gọi đây là Bàn thành tứ hữu (tức bốn người bạn ở thành Đồ Bàn) hay còn gọi với cái tên dân dã hơn là Nhóm thơ

Bình Định gồm 4 người là Hàn Mặc Tử, Quách Tấn, Yên Lan và Chế Lan Viên gắn bó vô cùng khăng khít.

Về sau, khi khuynh hướng sáng tác của các tác giả trong Nhóm thơ Bình Định có sự khác nhau, Quách Tấn vẫn trung thành với dòng thơ cũ, Hàn Mặc Tử, Yên Lan, Chế Lan Viên ngã sang thơ lãng mạn và bước vào thế giới tượng trưng, siêu thực. Nhận thức được phải tách Nhóm thơ Bình Định thành những Trường thơ riêng để từ đó mở rộng hơn khuynh hướng sáng tác của mình, cuối năm 1936, Hàn Mặc Tử đề xướng việc thành lập Trường thơ Loạn. Trường thơ Loạn lấy tựa *Điều tàn* của Chế Lan Viên làm tuyên ngôn thơ. Ban đầu Trường thơ Loạn gồm Hàn Mặc Tử, Yên Lan, Chế Lan Viên, sau có thêm Bích Khê, Hoàng Diệp, Quỳnh Dao...

1.2. Vị trí của Hàn Mặc Tử và sự tiếp biến giữa thơ truyền thống và thơ tượng trưng, siêu thực phương Tây trong Trường thơ Loạn.

1.2.1. Hàn Mặc Tử - Vị chúa của Trường thơ Loạn

Hàn Mặc Tử được xem là người đứng đầu *Thái dương văn đoàn*, một thi đoàn thành lập vào những năm 30 của thế kỷ XX.

Hàn Mặc Tử còn là con rồng của nhóm Tứ linh (Long: Hàn Mặc Tử, Lân: Yên Lan, Quy: Quách Tấn, Phụng: Chế Lan Viên) hay còn gọi là nhóm thơ Bình Định.

Cuối năm 1936, Trường thơ Loạn được thành lập. Hàn Mặc Tử được xem là vị chúa của trường thơ này, thơ ông có ảnh hưởng nhất định đến sáng tác của Chế Lan Viên, Yên Lan và Bích Khê. Thế giới thơ của Hàn Mặc Tử có trắng, hồng, máu thì thế giới của Chế Lan Viên, Bích Khê cũng tràn ngập trắng, hồng, máu... Nếu Hàn Mặc Tử chủ trương đưa thơ ra khỏi hiện thực và bay đến vùng hư ảo tâm linh thì thơ Chế Lan Viên, Bích Khê cũng hướng tới vùng hư ảo, tâm linh.

Có thể nói, các nhà thơ trong *Trường thơ Loạn* có sự cộng hưởng qua lại lẫn nhau nhưng trong đó ảnh hưởng của Hàn Mặc Tử đến các thành viên khác là rõ nhất.

Vượt qua những thăng trầm, Hàn Mặc Tử đã chứng minh hướng đi đúng đắn của mình và của *Trường thơ Loạn*. Với tư cách là người cầm trịch, ông luôn có sự tinh tế và nhạy bén trước cái mới nên thơ ông luôn được lạ hoá, mới hoá. Hàn Mặc Tử luôn đi trước thời đại và là người có khả năng tạo nên những khuynh hướng mới cho thơ.

1.2.2. Sự tiếp nối giữa thơ truyền thống phương Đông với thơ tượng trưng, siêu thực phương Tây trong Trường thơ Loạn

Nhìn vào tòa kiến trúc thơ Loạn, ta thấy dựng lên đầy đầy rẫy rẫy những hình ảnh của ma quỷ, của thương đau, của cái đẹp làm bằng sọ người, xương, hồn và máu. Có thể nói, cái đẹp đến từ cái ghê rợn và ma quái, điều này rất gần với chủ nghĩa tượng trưng của Baudelaire, của Verlaine, Rimbaud... những nhà thơ tượng trưng thuần túy của Phương Tây. Nhìn vào đó, người đọc dễ nhầm lẫn *Trường thơ Loạn* là một trường phái hoàn toàn đi theo chủ nghĩa tượng trưng phương Tây và là đồ đệ trung thành nhất của tác giả "*Những bông hoa ác*". Tuy nhiên, xét trong sự vận động của *Trường thơ Loạn*, ta thấy tòa tháp thơ của các tác giả được dựng nên từ sự tích hợp của một căn cốt phương Đông thâm hậu và một cảm quan ma quái của phương Tây. Ở *Trường thơ Loạn*, nền tảng của Đường Thi vẫn còn phảng phất và một truyền thống thi ca Việt Nam từ ca dao đến thơ trung đại với cái thần của một tâm hồn tao nhã, một tinh thần biết thưởng ngoạn cái đẹp và một tâm thế sẵn sàng hòa cùng thiên nhiên vẫn được truyền trọn vẹn vào thơ. Có thể khẳng định rằng, thơ Loạn là những vần thơ tích hợp của Đường thi, của tinh thần thơ ca truyền

thống Việt Nam, yếu tố tâm linh phương Đông và chủ nghĩa tượng trưng, siêu thực phương Tây. Tất cả cộng hưởng làm nên một thế giới thơ "rộng rinh không bờ bến, càng đi xa càng thấy lạnh" (*Tựa Đau thương*).

1.3. Quan niệm thơ của Hàn Mặc Tử và các tác giả Trường thơ Loạn

1.3.1. "Làm thơ là làm sự phi thường"

Năm 1937, trong bài *Tựa tập thơ Điều tàn* Chế Lan Viên viết: "Hàn Mặc Tử viết: Làm thơ tức là điên. Tôi thêm: Làm thơ là sự phi thường. Thi sĩ không phải là Người. Nó là Người mơ, Người say, Người điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ, là Tinh, là Yêu, Nó thoát Hiện Tại. Nó xáo trộn Dĩ vãng. Nó ôm trùm Tương Lai". Đây được xem là tuyên ngôn của *Trường thơ Loạn*.

Hàn Mặc Tử và các tác giả *Trường thơ Loạn* đã sáng tạo một thế giới thơ kỳ lạ, bí hiểm và tràn ngập cảm xúc. Chất chứa trong thơ là những thế giới đối lập: kinh hoàng, đồ nát, những bãi tha ma, những bóng Hời rên rỉ, những cô gái khỏa thân, những thân người lơ lói, niêm đau thương, kinh dị, khí tanh hôi, máu rỏ, xương khô, thịt nát, não cạn... Và bên cạnh đó là thế giới đầy thanh âm, hương thơm, màu sắc, thanh khiết và mộ đạo. Tất cả những cái ấy trở thành thi liệu đầy hứng thú cho thơ, đẩy thơ đến bờ chủ nghĩa siêu thực.

Thơ Hàn Mặc Tử và các tác giả *Trường thơ Loạn* đã chạm tới cõi tâm linh bí ẩn sâu kín của con người, đó là một cuộc viễn du tinh thần của "loài thi sĩ". Cõi tâm linh của Hàn Mặc Tử thường gắn với hình ảnh Đức Chúa trời. Cõi tâm linh của Chế Lan Viên gắn với một vương quốc thời quá khứ, với những ám ảnh oan hồn dân Chàm trong bãi tha ma. Cõi tâm linh của Bích Khê được làm bằng ngọc, bằng hương, bằng gấm, bằng thanh bai.

Quan niệm thơ của các thi sĩ *Trường thơ Loạn* đã “tuyệt đối hóa” việc làm thơ. Thi sĩ, đó chính là “thần linh” và cõi thơ là cõi siêu hình, siêu thoát, một cõi hư vô ngoài xứ mộng mà các thi sĩ chạm đến trong những giờ phút thăng hoa.

1.3.2. “*Không rên xiết là thơ vô nghĩa lý*”

Với khát vọng đưa thơ mới tiến một bước, *Trường thơ Loạn* quan niệm “Thơ không rên xiết là thơ vô nghĩa lý”, “Thơ phải là tiếng kêu thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ao ước trở lại trời - nơi đã sống ngàn kiếp vô thủy vô chung với những hạnh phúc bất diệt, thơ phải chứa đựng yếu tố kỳ bí, lạ lẫm”.

Làm thơ, đối với *Trường thơ Loạn* là “vượt ra ngoài thói quen và bước vào một cõi mới lạ, có hứng thú hơn”. Thơ phải được kết tinh từ những nỗi đau quần quại của một linh hồn bất hạnh với khát vọng sống mãnh liệt.

Âm hưởng rên xiết trong *Trường thơ Loạn* xuất phát từ quan niệm thơ với những linh hồn đầy khao khát và khổ đau. Chế Lan Viên với nỗi đau tinh thần, Hàn Mặc Tử, Bích Khê vừa là nỗi đau bệnh tật, vừa là nỗi đau tinh thần. Cho nên, những vần thơ của *Trường thơ Loạn* chứa đầy hơi thở kỳ bí và rùng rợn, thậm chí điên dại, hoang loạn. Nó thấm đẫm một niềm đam mê ma quỷ. Nhưng đó là những lời thơ chân thật nhất về nỗi đau con người.

Chương 2

TƯ DUY NGHỆ THUẬT TRƯỜNG THƠ LOẠN QUA THƠ HÀN MẶC TỬ

2.1. Sự vận động của cái tôi trữ tình

2.1.1. *Cái Tôi đau thương và mơ ước*

Đối với *Trường thơ Loạn*, đau thương là một trong những âm hưởng chủ đạo chi phối và bao trùm khắp không gian thơ. Các thi sĩ *Trường thơ Loạn* vượt hẳn lên trên cái lãng mạn của Thơ mới để tìm đến một chân trời khác mà hạnh phúc làm bằng đau thương và đau thương đôi khi thành một sự khoái cảm, đau thương đến mức thoát thai thành những mảnh hồn phân rã với yêu ma quynh trộn nhau trong cõi siêu hình. Đó là nỗi đau sâu sắc, trần trụi, mang tầm vóc vũ trụ, được diễn tả bằng nhịp điệu của sự cuồng trí vô vọng: “*Anh nuốt phứt hàng chữ/ Anh cắn vỡ lời thơ/ Anh cắn cắn cắn cắn/ Hơi thở đứt làm tư*” (*Anh điên*); là sự đau đáu về một thân phận: “*Máu đã khô rồi thơ cũng khô/ Tình ta chết yếu tự bao giờ/ Từ nay trong gió trong mưa gió/ Lời tâm thương rên khắp nẻo mơ*” (*Trút linh hồn*).

Song hành với đau thương, Hàn Mặc Tử viết nên những dòng thơ tràn đầy mộng ước. Ông tự nhận mình là “người trong mộng”. Với ước mơ muốn được vươn tới “vô biên và tuyệt đích”, Hàn Mặc Tử bám víu niềm tin ở Đức Chúa trời, để từ đó ước mơ về một “cõi trời cách biệt”, một cõi Thiên đàng với “*Trái cây bằng ngọc vô bằng gấm/ Và mặt trời kia tợ khối vàng*”.

Sự lớn dậy về tâm hồn ở Hàn Mặc Tử cũng chính là sự thể hiện một con người thiết tha với thiên nhiên, với cuộc sống. Đau thương không làm ông chán đời, không làm ông bế tắc mà “Đau thương ở Hàn Mặc Tử là một thứ siêu nghiệm. Đau thương vừa là

dạng thức vừa là cung bậc của cảm xúc thơ thường trực trong hồn thơ Hàn Mặc Tử”.

2.1.2. *Cái tôi phân thân, vô thức*

Trong thơ Hàn Mặc Tử và các tác giả *Trường thơ Loạn*, con người bị phân rã thành từng mảnh riêng biệt. Sự phân rã giữa hồn và xác khiến nhà thơ nhìn thấu chiều sâu bí ẩn của bản thân mình. Lúc này, tôi không chỉ là tôi (Nguyên tôi) mà ngoài Tôi còn có một cái Tôi khác.

Sự phân thân của cái Tôi trong thơ Hàn Mặc Tử phản ánh một trạng thái hoảng loạn khiến tâm hồn nhà thơ thực sự siêu thăng, xuất hồn để giải thoát thân xác hữu hình để tồn tại vĩnh viễn trong cõi vô hình “*cho tan ra hoà hợp với tình anh*”. Từ đây xảy ra sự khoái lạc trong những giây phút thăng hoa của tinh thần: “*Ta ngất đi trong khoái lạc niềm đau*”, “*Trí ta sẽ cuồng lên khoái trá*”.

Bên cạnh sự phân thân là yếu tố vô thức. Diễn tả con người ở trạng thái Say là yếu tố vô thức đầu tiên trong thơ Hàn Mặc Tử. Đó là cái say của trạng thái tâm hồn chầm chới vươn tới sự hòa hợp cùng thiên nhiên, cùng tinh anh của vũ trụ. Gió “*say lướt lướt trong màu sáng*”, trăng xuân “*trần trề say chới với*”, con người “*say kinh cầu nguyện, say trời tương tư*”, cả vũ trụ đều ở trong trạng thái quay cuồng “*Say, say, say lao đảo cả trời thơ*”.

Yếu tố vô thức còn thể hiện ở hiện tượng nhảy cóc của tư duy. Thơ Hàn Mặc Tử là có sự chuyển đổi rất mau lẹ của cảm giác. Từ sự tiếp cận bằng thị giác đến một sự cảm nhận của vị giác. Nhìn trăng ông cảm thấy “ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng” (*Chơi giữa mùa trăng*). Từ nỗi nhớ người yêu đến hành động vô thức: “*Anh đi thơ thẩn như ngây dại/ Hứng lấy hương nồng trong áo em*” (*Âm thầm*).

Từ trạng thái ghen đến phản ứng xúc giác “*miệng lưỡi khô khan hết cả thềm*” (*Ghen*)... Từ miêu tả sang đối thoại hoặc độc thoại: “*Trong khóm vi lau dào dạt mãi/ Tiếng lòng ai nói sao ? Sao im đi/ Ô kia, bóng nguyệt trần trụi tằm/ Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe*” (*Bên lèn*).

Trong thơ Hàn Mặc Tử, thấp thoáng đâu đó là yếu tố nhục thể ẩn trong sự thể hiện hết sức tế nhị thông qua hình tượng đẹp và đầy biểu cảm: trăng, gió “*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu/ Đợi gió đông về để lả lơi*”.

Sự vận động của cái Tôi trữ tình trong thơ Hàn Mặc Tử và các tác giả *Trường thơ Loạn* thể hiện bằng hành trình vượt thoát khỏi cái tôi lãng mạn đơn thuần để đến với cái tôi hư ảo, nó thể hiện sự thăng hoa của cảm xúc và sức tưởng tượng phi thường. Hành trình này là sự giải phóng con người ra khỏi thế giới trần gian đầy đau khổ để tìm đến một thế giới lý tưởng, thế giới của thi ca, của những sáng tạo nghệ thuật.

2.2. *Thế giới thơ Hàn Mặc Tử và các tác giả Trường thơ Loạn*

2.2.1. *Thế giới hương sắc và thanh âm*

Hàn Mặc Tử và các nhà thơ cùng thi phái với mình đã tạo ra một cõi thơ nhạc giao hưởng, một bản hòa tấu của âm thanh, một bức họa sống động nhiều màu sắc.

Hàn Mặc Tử ngay từ buổi đầu đã tạo một không gian âm nhạc và chuyển động mà vạn vật giao hoà, tạo ra một *vũ trụ luận mới* trong thơ. Tất cả những bài thơ hay của Hàn Mặc Tử như *Đà Lạt trăng mờ*, *Mùa xuân chín*, *Huyền ảo*, *Đây thôn Vĩ dạ*, *Tình Quê* đều đạt sự hoàn mỹ trong một vũ trụ hòa quyện của không gian, trời nước và tâm cảnh, tất cả cùng hoà tan vào âm nhạc và chuyển động. Đây là

những bản nhạc mà âm thanh bay lên trong không gian mênh mông, trời nước giao hoà, kết nối những hình ảnh trùng trùng trong liên tưởng.

Thơ Hàn Mặc Tử nói nhiều về âm thanh và ánh sáng. Trong thơ ông có ánh sáng của nắng: “*Trong làn nắng ửng: khói mơ tan*” (*Mùa xuân chín*). Có ánh sáng của trăng: “*Ngả nghiêng đời cao bọc trăng ngủ/ Đầy mình lóm đóm những hào quang*” (*Ngủ với trăng*). Có âm thanh của “*tiếng thát thanh rùng rợn*”, là “*giọng hòn đầu trăm vạn nổi niềm riêng*”. Thi nhân nhạy cảm với mọi âm thanh, đặc biệt là âm thanh vang lên từ tư tưởng, âm thanh từ cõi mờ, cõi huyền của cuộc sống.

Nếu Hàn Mặc Tử đi tìm lời thơ trong sự giao hoà cùng vũ trụ thì Bích Khê tạo ra những bài thơ rất giàu hình ảnh, âm thanh và màu sắc, đẹp như một bức tranh thơ mà cái nền là của một không gian bát ngát mộng mơ... Có thể nói, thơ Bích Khê là những bản nhạc đắm hương. Hương từ cảnh vật chung quanh lan tỏa ra. Hương hòa nhập, đồng hoà vào vạn vật: “*Nàng bước tới như sông trăng chảy nhạc/ Như nắng thom hóp đặc cả nguồn hương*” (*Nàng bước tới*).

2.2.2. Thế giới kỳ dị và hư ảo

Thế giới thơ Hàn Mặc Tử không chỉ trần trụi nằm trên mặt đất, sống đời thường ở trần gian mà còn phiêu lưu vào cõi khác, cõi vô hình, tan loãng; cõi mộng mị chiêm bao; cõi tâm linh và siêu hình.

Có thể nói, Hàn Mặc Tử đã sử dụng các yếu tố kỳ ảo như một biện pháp đặc trưng mang tính nghệ thuật. Nhờ trí tưởng tượng phi thường, Hàn Mặc Tử đã hư ảo hoá thực tại, tạo ra nhiều hình ảnh kỳ dị. Những hình ảnh trong thơ Hàn toát ra từ một trí tưởng tượng lạ lùng, trôi dạt trong những giấc mơ, những cơn ác mộng, chết đi sống lại trong thác loạn tình yêu và bệnh tật.

Thế giới *Điêu tàn* của Chế Lan Viên hiện lên kinh dị như một nỗi ám ảnh không nguôi về sự hủy diệt... Một thế giới thâm u và ma quái tuyệt nhiên không có bóng người. Thế giới *Tinh huyết* của Bích Khê là thế giới kỳ lạ, bí ẩn, rợn ngợp... Đó là một phức hợp của vô vàn những thế giới khác: thế giới thần tiên, thế giới trần tục và thế giới ma quái với những đặc trưng riêng biệt của nó.

Sự xuất hiện đồng hiện của các thế giới, các chiều kích không gian, thời gian và các rùng rợn biểu tượng dường như là một quy luật của *Trường thơ Loạn*. Vì vậy, cùng một lúc người đọc lại chiêm ngưỡng nhiều cảnh huống khác nhau, trải qua nhiều cảm xúc khác nhau: chưa kịp rùng rợn vì đối diện với xương khô, sợ người thì đã choáng ngợp ngây ngất trước vẻ lóng lánh của châu ngọc, vàng bạc; chưa kịp rợn lên trong lòng sắc màu phàm trần đầy khoái cảm nhục dục đã phải đi đến chốn thanh cao, tinh khiết với cái uyên nguyên của sự vật. Thế giới thơ kỳ dị, huyền ảo đó được đan kết với các yếu tố thi ca, nhạc, hương, màu sắc, ánh sáng, ngọc, châu và các hình tượng trung tâm: hồn, máu, giai nhân, trăng... nó luôn đặt trong các mối tương quan, tương hợp, kỳ lạ “*Ta những muốn sâu thương thôi biểu lộ/ Sắc trong màu màu trong sắc hân hoan/ Ta như muốn mùa đông nhùng lại chỗ/ Nhạc gảy hương hương gảy nhạc lan man*”.

2.3. Những biểu tượng trong thơ Hàn Mặc Tử và các tác giả Trường thơ Loạn

2.3.1. Trăng - hồn - máu

Xuyên suốt tất cả các tập thơ của Hàn Mặc Tử từ *Gái quê* cho đến *Thượng thanh khí*, hình ảnh ánh trăng vận động nhiều chiều, phát triển theo từng giai đoạn. Trăng của *Gái quê* là Trăng đẹp, Trăng tươi. Đến *Đau thương* là Trăng điên, Trăng loạn và cuối cùng ánh trăng trở về với vẻ miên viễn rạng ngời đầy siêu thực của nó ở

Thượng thanh khí. Hàn Mặc Tử có 4 tập thơ chính thì có đến 2 tập nói về Trăng, viết cho Trăng. Tập *Gái quê* có 10/16 bài có hình ảnh Trăng, tập *Thơ điên* có 31/42 bài viết về Trăng. Trong bài *Trăng vàng trăng ngọc* có 15 câu mà 29 lần nhắc đến Trăng.

Trăng trong thơ Hàn Mặc Tử là biểu tượng cho cái đẹp của cuộc đời và thiên nhiên. Trăng cũng tượng trưng cho thanh bình, mát mẻ và yên vui. Nhưng trăng cũng là nỗi đau đớn đến tuyệt vọng của bệnh tật dày vò thể xác cộng với nỗi buồn bị người thân xa lánh. Biểu tượng trăng trong thơ Hàn đi từ thật đến ảo, từ ảo ảnh đến huyền diệu, cho đến chiêm bao.

Trăng trong thơ Chế Lan Viên là trăng của sự lạnh lẽo, u ám, lẻ loi và đầy bí mật; trăng trong thơ Bích Khê biến hóa muôn hình với những vẻ đẹp rực rỡ và đầy thanh sắc. Đó là một trời lưu ly, mã não, ngọc bích... là sự hòa quyện của nhạc, hương, hoa, là một thế giới trăng êm dịu và mượt mà như nhung gấm.

Bên cạnh trăng thì hồn và máu là những biểu tượng mang đầy tính chất tâm linh. Nó thể hiện hình tượng con người tâm linh trong hành trình khám phá chiều sâu bí ẩn tâm hồn.

Biểu tượng Trăng - Hồn - Máu trong thơ Hàn Mặc Tử và các tác giả *Trường thơ Loạn* là biểu tượng về cái đẹp, cái miên viễn, tuyệt đích của sức sáng tạo. Đó đồng thời cũng là biểu tượng của thế giới hiện thực đau thương, là giấc chiêm bao trong cõi siêu thực, là cuộc giao thoa kỳ diệu của cõi người với cõi trời.

2.3.2. *Biểu tượng con người vũ trụ*

Hàn Mặc Tử, một mặt luôn khẳng định vị thế cao hơn hẳn thiên nhiên với mong muốn chiếm lĩnh vũ trụ nhưng mặt khác, Hàn Mặc Tử lại luôn trong tâm thế hòa nhập vào thiên nhiên, sống chan hòa cùng thiên nhiên không phân biệt chủ thể - khách thể: “*Ta*

thường giờ tay níu ngàn mây/ Đi lại lang thang trên ngọn cây” (*Nói chuyện với gái quê*).

Hàn Mặc Tử xem thiên nhiên như một con người thực thụ, ông không nhân cách hoá, phú cho sự vật những tình cảm của con người mà ông coi sự vật hiển nhiên là con người, mang những tình cảm của con người: trời “*từ bi cảm động ứa sương mờ*”; trăng “*choáng váng với hoa tàn cùng ngả*”; gió “*say sướt mướt trong màu sáng*”; hơi nắng “*liếm cặp môi tươi*”...

Thơ Hàn Mặc Tử ít khi nằm trên mặt bằng của thế giới thực, ông đi tìm cái phi thường ở ngoài thực tại, đó là thế giới chứa đầy hoa mộng, thế giới được dệt nên bằng muôn vàn tinh tú, thế giới ấy có “*đáng hằng thiên ngự trị*” nên ông luôn hướng về nó như hướng về cuộc sống thứ hai cho mình. Thơ Hàn Mặc Tử càng về sau càng vắng bóng con người đi trên đường mà chỉ có hình ảnh con người đang bay trong không gian, đang phiêu diêu cùng vũ trụ: “*Hồn vốn ưa phiêu diêu trong gió nhẹ/ Bay giang hồ không sót một phương nào/ Càng lên cao dây đồng vọng càng cao*” (*Say thơ*).

Biểu tượng con người vũ trụ trong thơ Hàn Mặc Tử luôn thể hiện một tâm thế sẵn sàng hòa nhập cùng thiên nhiên, cây cỏ. Ở ông, không hề có một lần ranh phân chia biên giới giữa hư và thực, giữa người và vật... tất cả hòa quyện vào trong một vũ trụ tương thông, tương đồng. Điều này rất gần với quan niệm cổ điển phương Đông “*Thiên - Địa - Nhân - hợp nhất*”, và cũng gần với thế giới tượng trưng phương Tây theo thuyết “*giao hòa, tương ứng*”.

Chương 3
NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT TRƯỜNG THƠ LOẠN
QUA THƠ HÀN MẶC TỬ

3.1 Những cách tân ngôn ngữ nghệ thuật

3.1.1 Sự lạ hóa ngôn từ thơ

Làm nên diện mạo, bản sắc của *Trường thơ Loạn* phải kể đến vai trò của lớp từ ngữ đặc sắc và đầy cá tính. Nó mở ra những kết hợp mới mẻ, táo bạo làm giàu thêm cho vốn từ tiếng Việt.

Bước vào rừng ngôn ngữ của *Trường thơ Loạn*, người đọc kinh hãi vì những bài thơ ngồn ngộn những danh từ tạo nên hình ảnh có thể sờ sờ những kẻ yếu bóng vía: *não trắng, máu đỏ, xác chết, xương khô, sọ người, thịt nát, tử thi, yêu tinh, hồn ma...*

Bên cạnh danh từ là những thán từ biểu thị tiếng rên siết thê thiết của một xác thân bị dày vò tàn hủy: “Trời hỡi làm sao cho khỏi đói! Gió trắng có sẵn làm sao ăn”; “Ôi trời oi là Phan Thiệt ! Phan Thiệt !”; “Trời hỡi bao giờ trời chết đi”... (Hàn Mặc Tử).

Các nhà thơ *Trường thơ Loạn* hay dùng những động từ rất trần tục mà đó lại là những từ tối kỵ cho thơ ca. Hàn Mặc Tử có những hành động thể hiện sự đói khát và sự no nê đến trần trụi. Một mặt ông *nuốt, hớp, uống, đớp*; một mặt ông lại *ợ ra, mửa ra, ọc ra...* Chế Lan Viên cũng luôn thêm khát, muốn *nuốt, riết, cắn, ném, nhai...* lại cả một thời xưa cũ. Bích Khê lại thành thực nói lên sự khao khát của tâm hồn đến cao độ, điên cuồng như muốn *chup, vồ, ôm, nút, riết chặt, rồi xé nát* để hưởng thụ.

Trường thơ Loạn thường xuyên sử dụng những tính từ đầy gợi cảm, nó thể hiện các tư thế gợi tình, cảm giác mê đắm: *sóng sôi, lá loi, ngây tình...* Bích Khê có phần táo bạo và khiêu khích hơn khi

thể hiện nỗi ám ảnh nhục cảm ái ân: “Ồ hai chân nở màu sen éo lả”; “Gió thiệt đá tình hôn mặt hoa/ Thơm tho mùi thịt bắt say ngà”; “Đâu đôi mắt mùa xuân tợ ngọc ? Vú non non ? Da diu diu, êm êm?”...

Hàn Mặc Tử và các nhà thơ *Trường thơ Loạn* đã đan kết ngôn từ thành những thế giới đầy ám ảnh, lột tả một cách trần trụi tâm hồn của thi sĩ, cả nỗi đau đời thực và ước muốn, mộng mơ... Ngôn từ trong thơ Hàn Mặc Tử là ngôn từ của nội tâm. Ngôn từ trong thơ Chế Lan Viên là ngôn từ của một lý trí. Với Bích Khê, ngôn từ trong thơ lột tả trần trụi hình ảnh của con người.

3.1.2. So sánh - một thủ pháp tạo nghĩa đa tầng

Với Hàn Mặc Tử, so sánh cũng là phương thức đưa thơ ông đến với thế giới đầy hình ảnh và biểu tượng. Chúng tôi thống kê được trong 3 tập thơ *Gái quê, Đau thương* và *Xuân như ý*, Hàn Mặc Tử so sánh đến 99 lần, trong đó tập *Gái quê* 13 lần/16 bài thơ; tập *Đau thương* 43 lần/42 bài thơ, và tập *Xuân như ý* 43 lần/15 bài thơ. Trong đó, kiểu so sánh *A như B* là phổ biến nhất. Có thể thấy càng về sau, Hàn Mặc Tử càng dùng nhiều biện pháp so sánh hơn.

Trong tập thơ *Gái quê*, so sánh được vận dụng theo tư duy truyền thống, giữa cái so sánh và cái được so sánh có ý nghĩa gần nhau, cách so sánh này ta gặp rất nhiều trong ca dao cũng như trong lời nói hằng ngày: “Làn môi mong mỏng tươi như máu”; “Lòng ta dào dạt như làn sóng”; “Em buồn như đám mây”...

Đến với *Đau thương* và *Xuân như ý*, so sánh được liên kết lại từ những hình ảnh rất xa nhau, thậm chí rất khác thường: “Mới lớn lên trắng đã thẹn thờ/ Thơm như tình ái của ni cô”; “Xác cô thơm quá, thơm hơn ngọc”; “Chết rồi xiêm áo trắng như tinh”; “Đức tin thơm hơn ngọc”...

Đi sâu khai thác đối tượng so sánh và đối tượng được so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, ta thấy đối tượng được so sánh càng lúc càng đi xa thuộc tính vốn có của nó. Ví dụ, khảo sát đối tượng được so sánh là “ngọc”. Hàn Mặc Tử ban đầu cũng khai thác màu sắc của “ngọc”: “*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*”. Nhưng càng về sau, Hàn Mặc Tử càng ban cho “ngọc” những thuộc tính khác. “Ngọc” biến thành âm thanh reo vang trong “*Bút tôi reo như châu ngọc đèn vua*”, hóa thân thành ánh sáng huyền ảo “*Trăng sáng còn thua đôi mắt ngọc*” và cuối cùng, “ngọc” toát ra một hương thơm kỳ ảo lạ lùng “*Xác cô thơm quá thơm hơn ngọc*”, “*Đức tin thơm hơn ngọc*”...

Hàn Mặc Tử đem cái trừu tượng so sánh với cái trừu tượng: “*Xuân trên má nường thơ/ Ngon như tình mới cắn*”; “*Tình ta sầu thảm hơn mùa lạnh*”; “*Anh đón tình em bay phát phối/ Như hương trăng đêm thắm cõi không gian*”. Kiểu so sánh này làm câu thơ vốn mơ hồ càng mơ hồ hơn. Càng về sau, Hàn Mặc Tử càng vận dụng cách so sánh hư ảo này, tác động mạnh vào các giác quan người đọc, tạo nên cõi thơ huyền bí. Các cách so sánh này đã phá vỡ cách so sánh truyền thống, tạo nên sự vận động mới cho ngôn ngữ thơ; câu thơ vì thế linh động, hòa nhịp cùng cảm giác; thơ trở nên ma thuật, huyền ảo. Điều này cũng tạo một lối tư duy mới, khắc phục lối tư duy cũ mòn trong văn học.

3.2. Mỗi bài thơ là một kiến trúc ẩn

3.2.1. Kiến trúc thơ bằng hình ảnh táo bạo, ẩn tượng

Trong thơ Hàn Mặc Tử và các tác giả *Trường thơ Loạn*, tất cả những hình ảnh đi vào giác quan đều bị bóp méo, tạo nên một giá trị mới, một sức sống mới, một hình ảnh mới khác hoàn toàn với hình ảnh vốn có của nó.

Hình ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử và các tác giả *Trường thơ Loạn* vận động theo nhiều chiều kích khác nhau của vũ trụ và của tâm trạng thi nhân. Nó cũng liên tục vận động chuyển đổi từ dạng này sang dạng khác, từ thể này sang thể khác. Từ lỏng thành rắn “*lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc*”; và từ rắn sang lỏng “*tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng*”; từ cái vô hình thành cái hữu hình “*tình ta khuấy mãi không thành khối*” (Hàn Mặc Tử). Nhân hóa vật chất “*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu/ Đợi gió đông về để lả lơi*” và vật chất hóa hình ảnh của con người “*Hỡi đôi mắt nơi người là ngọc thạch*” (*Đôi Mắt* - Bích Khê).

Hình ảnh còn được tạo nên từ mạch thơ không logic, làm cho câu thơ “nhảy cóc”, có dáng vẻ của “đầu Ngô mình Sở”. Điều này đã tạo nên văn bản thơ có vẻ lộn xộn, đứt đoạn, phân tâm. Nhiều bài thơ đang miêu tả cảnh đột nhiên tác giả lại chuyển đột ngột đến tâm trạng, đang nhìn thấy cảnh thực lại chuyển sang địa hạt hư ảo, đang miêu tả lại chuyển ngay sang đối thoại và độc thoại. Nhiều khi, trong một bài có sự chuyển đổi đại từ nhân xưng: từ ta sang tôi, từ mi đến ta đến tôi.

Với Bích Khê, bên cạnh trí tưởng tượng, ông dùng thêm phương pháp hiện đại, bằng việc tạo hình thơ bằng cách “cắt dán”. Các hình ảnh được “cắt dán” rồi ghép cạnh nhau, cho nên ảnh sau, không dính dáng gì đến ảnh trước. Trong câu “*Vàng sao nằm im trên hoa gậy*”, hai hình ảnh *vàng sao* và *hoa gậy*, tuy không dính dáng với nhau, nhưng được tác giả cho chúng *nằm im* trên nhau, sự kiện này không thể có trong thơ cổ điển.

Trong bài thơ *Tỳ bà*, Bích Khê “dán” những chữ không liên lạc gì với nhau cạnh nhau, “dán” những câu không liên hệ với nhau

gần nhau, tạo ra những hình ảnh hoàn toàn siêu thực: *tay - đêm, giăng - mền, trăng - đàn, mây - nhung, thuyền - hồn...*

3.2.2 Kiến trúc thơ bằng nhạc tính

Thơ Hàn Mặc Tử, tự thân nó - chưa kể đến các yếu tố kỹ thuật - đã có nhạc ở trong. Thi sĩ đã tạo ra tiếng nhạc bằng sự thẩm thấu âm thanh của thiên nhiên thông qua hình thức biểu hiện bằng ngôn từ. Âm nhạc trong thơ Hàn Mặc Tử là thứ âm nhạc tự tại, tràn bờ của cảm xúc, của sự giao hòa với thiên nhiên. Âm nhạc chảy ra từ thân xác thơ; mỗi chữ, mỗi câu trong thơ ông như đã được tẩm nhạc, tẩm hương.

Bích Khê là người sử dụng nhiều kỹ thuật về ngôn từ. Với thơ Bích Khê, âm nhạc thật sự trỗi dậy với nhiều trường độ. Bài thơ *Hoàng hoa, Tỳ bà* là những giai điệu nhẹ nhàng, đều đặn, êm dịu, mượt mà. Kiến trúc âm nhạc trong *Tỳ bà, Hoàng Hoa* của Bích Khê dựa trên âm bằng (dấu huyền hoặc không có dấu). Toàn bài hầu như không có âm trắc (sắc, hỏi, ngã, nặng). Vì chỉ có âm bằng nên nhạc trong thơ đôi hẳn cung bậc, không còn giống thơ cổ điển và cũng khác hẳn các nhà thơ mới khác.

Bích Khê cũng là người khám phá thể hiện tính nhạc ở thể thơ tám chữ. Thể thơ tám chữ bao giờ cũng bị cắt đôi ra thành 4/4 và tạo nhịp đôi trong một câu thơ: “*Nhẹ nhàng, nhịp nhàng/ thơ đều trong thơ/ Màu trắng không gian/ như gòn gợn sóng*” (Nhạc).

Nhạc trong *Trường thơ Loạn* còn thể hiện qua một số dụng công về kỹ thuật tạo nhạc điệu bằng - trắc theo lối thơ Đường thất ngôn. Bên cạnh đó, còn các cách gieo vần: Gieo vần liền; Vần ôm; vần hỗn hợp...

KẾT LUẬN

Một Thời đại thi ca 13 năm rực rỡ của thơ Việt Nam, Thơ mới đi trọn vẹn hành trình bằng hơn 100 năm thơ Pháp (Phan Cự Đệ). Trên nền tảng của văn hóa truyền thống dân tộc, Thơ mới tích hợp vào nó yếu tố nghệ thuật của thi ca cổ điển Trung Hoa đến thi pháp hiện đại phương Tây (đặc biệt là Pháp) làm thành một hiện tượng có một không hai trong lịch sử văn học dân tộc. Phong trào thơ tỏa sáng với những tên tuổi và thi phẩm bất hủ, kiến trúc nên thời đại rực rỡ với nhiều khuynh hướng, nhiều trường phái sáng tạo. Chỉ có 13 năm, hàng trăm nhà thơ đã xuất hiện, hàng chục nhà thơ tỏa sáng: Xuân Diệu với những vần thơ tình yêu mãnh liệt được tôn vinh là “ông hoàng thơ tình”; Huy Cận, chàng thi sĩ với nỗi sầu muộn mang tầm vũ trụ; Nguyễn Bính, anh thôn điền lãng mạn mang hồn Việt vào trong thơ một cách tinh tế, nhẹ nhàng; Thế Lữ, gã thi sĩ mộng mơ độc tấu “cây đàn muôn điệu”; Hàn Mặc Tử kết tinh của đau thương và nguồn thom hạnh phúc;... và rất nhiều tên tuổi khác: Hồ Dzếnh, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Bích Khê... Có thể nói, đây là một thời đại bùng nổ của thi ca Việt với những tài năng và phong cách mới lạ, độc đáo đưa thơ ca Việt Nam đến đỉnh cao.

Thơ mới không dừng lại ở những lối mòn quen thuộc, trong quá trình vận động, Thơ mới luôn tìm tòi những hướng mới để không bị cũ mòn, không bị lặp lại. Chính vì thế, ngày từ đầu, Thơ mới đã kịp thời hình thành nên những nhóm, những trường phái khác nhau. Các tác giả thơ trong *Tự lực văn đoàn* khẳng định mình ở chủ nghĩa lãng mạn; *Trường thơ Loạn* nhanh chóng chuyển từ lãng mạn sang tượng trưng và siêu thực; *Dạ Đài, Xuân Thu nhã tập* nghiêng nhiều về yếu tố siêu thực... Nhưng nhìn lại trong sự vận động và phát triển, sự thành danh và khẳng định vị thế chỉ có *Tự lực văn đoàn* và *Trường thơ Loạn*. *Tự lực văn đoàn* sáng tác theo khuynh hướng lãng mạn còn

Trường thơ Loạn là sự tích hợp giữa lãng mạn, tượng trưng, siêu thực và càng về sau yếu tố tượng trưng, siêu thực càng đậm nét hơn. Đó là một cuộc cách mạng vĩ đại thể hiện ở khả năng hòa nhập, tiếp biến và tái tạo với một tinh thần luôn học hỏi, không chịu lùi bước, không chịu đi theo lối mòn khuôn sáo cũ. Với tư thế là người đứng đầu, vị chúa *Trường thơ Loạn*, Hàn Mặc Tử đã từng bước phá vỡ những bức tường thành “định kiến”, đưa những vần thơ đầy ám ảnh của mình cùng các thi sĩ cùng thi phái trường tồn với thời gian. Các nhà thơ Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê trở thành những gương mặt độc sáng trong Thơ mới.

Nghệ thuật của Hàn Mặc Tử và *Trường thơ Loạn* trải rộng trên cả hai vùng văn hóa Đông - Tây, đó là sự tích hợp những trầm tích của nền văn hóa phương Đông kết hợp với ảnh hưởng của chủ nghĩa tượng trưng, siêu thực trong văn học Pháp. Chất trữ tình, lãng mạn giai đoạn đầu, giờ được các nhà thơ đẩy xa hơn vào cõi tượng trưng, siêu thực, tăng cường yếu tố khác lạ, dị thường, kỳ ảo. Yếu tố cực đoan, dị thường thông qua liên tưởng, tưởng tượng có vẻ xa lạ, huyền hoặc trở thành điều quan tâm của *Trường thơ Loạn*. Một thế giới mới với sự vận động của cái tôi cá nhân đi từ sự khờ khạo của *Gái quê* đến những cơn “rùng rợn tê điếng” của *Đau thương* để từ đó, bằng mộng mơ và tưởng tượng, cái tôi vượt thoát vào một thế giới mới, một vũ trụ mới được dệt bằng hương hoa thanh sắc và giai âm. Thơ Hàn Mặc Tử và các tác giả *Trường thơ Loạn* thể hiện một cách nhìn thế giới mới, ở đó, không có hình ảnh con người đi trên mặt đất mà con người vượt thoát khỏi giới hạn chật hẹp của thể xác mình để thoát thai vào cõi hư vô. Từ đó, con người có xu hướng nhìn sâu vào bản thể mình để tìm kiếm những giá trị mới và những cơn vận động run rẩy của linh hồn, của sự hoảng loạn, đổ vỡ, của nội tâm quay cuồng trong cơn đau thương mê sảng...

Quá trình cách tân ngôn ngữ trong *Trường thơ Loạn* xuất phát từ “sự thức nhận ngôn từ”. Các nhà thơ trong *Trường thơ Loạn*, cùng với Thơ mới đã đưa thơ thoát khỏi sự ràng buộc của câu thơ cũ, tạo cho ngôn ngữ thơ có đời sống mới phù hợp hơn. Bên cạnh đó, các tác giả đã tạo nên những đặc điểm riêng biệt và độc đáo bằng cách tạo hình cho ngôn ngữ, kéo thơ đến gần với hội họa, điêu khắc, âm nhạc bằng những mảng màu sắc, bằng hệ thống từ vựng, bằng thanh âm bằng trắc để tạo nên hình tượng ngôn ngữ độc đáo. Có thể nói, Hàn Mặc Tử nói riêng và *Trường thơ Loạn* nói chung đã tận dụng triệt để và phóng khoáng tất cả các cung bậc hết sức phong phú từ trực giác cụ thể đến ảo giác siêu thực nhằm tạo ra thế giới hình ảnh cho ngôn ngữ thơ ca. Hình ảnh giàu tính trực giác của Hàn Mặc Tử rất phong phú, đa dạng, mới lạ, độc đáo, tinh vi, dễ khơi gợi sự ham hiểu biết ở người đọc. Tuy nhiên, đôi lúc các nhà thơ để tâm trí mình phiêu diêu quá xa đời thực khiến những so sánh, những hình ảnh trong thơ rối rắm, quá xa lạ hoặc quá cầu kỳ, điều này phần nào đó gây nên những “cản trở” khi tiếp nhận, khiến nhiều câu thơ chưa thực sự đến với người đọc bằng sức mạnh truyền cảm.

Đương thời (thời Thơ mới), Chế Lan Viên đã dự cảm cái gì còn tồn tại của thời chúng sau này may ra là Hàn Mặc Tử. Quả là dự cảm đó trở thành dự báo và sự khẳng định. Hàn Mặc Tử như một ánh sao băng loé sáng trên nền thơ Việt để rồi mãi mãi phát sáng. Thơ mới đến nay như đã cũ, Hàn Mặc Tử đến nay như đã là xưa nhưng thơ của Hàn vẫn còn mới và rất mới, nhất là những ngày hôm nay, khi thơ của nhiều tác giả như đang đi tiếp nguồn mạch mà Hàn Mặc Tử và *Trường thơ Loạn* đang đi dở để thơ nói riêng, văn chương Việt Nam nói chung nhanh chóng hoà vào nền văn học hiện đại, hậu hiện đại của thế giới.